

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2019

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Út
2. Ông Trần Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Bình – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2019/TL.ST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lý Hữu K

Địa chỉ: Ấp 1B, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Có mặt

2. Bị đơn: Trần Thị N

Địa chỉ: Ấp 1B, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Lý Hữu K trình bày: Anh và chị Trần Thị N kết hôn với nhau năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không được tìm hiểu được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi

nhau, đời sống chung không còn hạnh phúc nên đã ly thân từ 2014 đến nay. Anh K xác định không còn tình cảm với chị N nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung là Lý Thị Cẩm G (nữ) sinh ngày 29/11/2005, Lý Thị Cẩm L (nữ), sinh ngày 31/7/2008 và Lý Thị Ngọc L (nữ) sinh ngày 24/3/2011. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả 02 con chung là cháu G và cháu L, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu L anh đồng ý để chị N nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn chị Trần Thị N trình bày tại bản tự khai ngày 02/8/2019: Do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng cãi nhau và đã ly thân hơn 04 năm nay. Nay chị N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh K.

Về con chung: Có 03 con chung là Lý Thị Cẩm G (nữ) sinh ngày 29/11/2005, Lý Thị Cẩm L (nữ), sinh ngày 31/7/2008 và Lý Thị Ngọc L (nữ) sinh ngày 24/3/2011. Chị N đồng ý để anh K nuôi hai cháu G và L, chị yêu cầu nuôi cháu L, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị N và yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt là phù hợp.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy hôn nhân giữa anh K và chị N có nhiều mâu thuẫn, anh K cho rằng không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh K được ly hôn với chị N. Về con chung anh K và chị N có 03 con chung các cháu tên Lý Thị Cẩm G (nữ) sinh ngày 29/11/2005, Lý Thị Cẩm L (nữ), sinh ngày 31/7/2008 và Lý Thị Ngọc L (nữ) sinh ngày 24/3/2011. Hiện cháu L và cháu G sống chung với anh K còn cháu L sống chung với chị N. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu L và cháu G cho anh K nuôi dưỡng theo đúng nguyện vọng của các cháu. Giao cháu L cho chị N nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu L. Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con chung cho nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Lý Hữu K và chị Trần Thị N do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N. Do Chị N có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Lý Hữu K và chị Trần Thị N được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống anh K cho rằng giữa anh và chị N có nhiều mâu thuẫn nên không thể sống chung với nhau và đã ly thân với nhau hơn 04 năm. Nay, anh K xin ly hôn chị cũng đồng ý. Vì vậy Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị N không hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của K.

[4] Về con chung: Anh K và chị N thống nhất có 03 con chung các cháu tên Lý Thị Cẩm G (nữ) sinh ngày 29/11/2005, Lý Thị Cẩm L (nữ), sinh ngày 31/7/2008 và Lý Thị Ngọc L (nữ) sinh ngày 24/3/2011. Hiện cháu L và cháu G sống chung với anh K còn cháu L sống chung với chị N. Do cháu L và cháu G có nguyện vọng sống chung với anh K nên Hội đồng xét xử giao cháu L và cháu G cho anh K nuôi dưỡng theo đúng nguyện vọng của các cháu. Cháu L có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị N nên giao cháu L cho chị N nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu L. Do các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc anh K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[7]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Hữu K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lý Hữu K được ly hôn với chị Trần Thị N.

2. Về con chung: Giao các cháu Lý Thị Cẩm G (nữ) sinh ngày 29 tháng 11 năm 2005, Lý Thị Cẩm L (nữ), sinh ngày 31 tháng 7 năm 2008 cho anh Lý Hữu K tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Lý Thị Ngọc L (nữ) sinh ngày 24/3/2011 cho chị Trần Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Các đương sự chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh K và chị N không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Lý Hữu K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai số 0021681 ngày 07/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã Tân H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua